

**Công Ty TNHH Một Thành Viên
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

ĐIỀU LỆ CÔNG TY
(Phiên bản số 3)



Ngày 30 tháng 06 năm 2021

A small, handwritten signature in blue ink at the bottom right corner of the page.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG	5
Điều 1. Định nghĩa	5
Điều 2. Tên Công ty	6
Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm	7
Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam	8
Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	8
Điều 6. Thời hạn hoạt động	8
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật	8
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY.....	10
Điều 8. Vốn điều lệ và điều chỉnh Vốn điều lệ	10
Điều 9. Chủ sở hữu của Công ty	10
Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu của Công ty	10
Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu của Công ty	11
Điều 12. Thực hiện quyền của Chủ sở hữu Công ty trong một số trường hợp đặc biệt	12
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY	13
Điều 13. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty	13
Điều 14. Hội đồng Thành viên	13
Điều 15. Tổng Giám đốc	17
Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.....	18
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc	18
Điều 18. Các chức danh quản lý khác	19
Điều 19. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Ban điều hành, Kiểm soát viên	20
Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu	20
Điều 21. Kiểm soát nội bộ và các hoạt động	22
Điều 22. Kiểm toán nội bộ và kiểm toán của Chủ sở hữu	23
Điều 23. Kiểm soát viên	25
Điều 24. Trách nhiệm của Thành viên HĐQT, Ban điều hành và Kiểm soát viên	26
Điều 25. Hợp đồng và giao dịch của Công ty với Người có liên quan	26
CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY.....	28

Điều 26.	Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty.....	28
Điều 27.	Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty.....	37
Điều 28.	Ủy quyền hoạt động.....	40
Điều 29.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quỹ khác	42
Điều 30.	Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.....	43
CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY		44
Điều 31.	Hệ thống kế toán	44
Điều 32.	Năm tài chính	44
Điều 33.	Kế toán, kiểm toán, thuế	44
Điều 34.	Phân phối lợi nhuận.....	44
Điều 35.	Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	46
CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TÁI CƠ CẤU CÔNG TY		47
Điều 36.	Giải thể Công ty	47
Điều 37.	Phá sản Công ty	47
Điều 38.	Tái cơ cấu Công ty	47
Điều 39.	Chuyển đổi loại hình Công ty	48
CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG VÀ BẢO HIỂM.....		49
Điều 40.	Quản lý lao động	49
Điều 41.	Bảo hiểm	49
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....		50
Điều 42.	Hiệu lực của Điều lệ.....	50
Điều 43.	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	50
Điều 44.	Văn bản tiếng Việt và tiếng Anh.....	50
Điều 45.	Ngôn ngữ làm việc	50
Điều 46.	Điều khoản từ bỏ.....	50
Điều 47.	Luật điều chỉnh	50
Điều 48.	Đăng ký Điều lệ và chữ ký.....	50

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("**Luật Doanh nghiệp**") và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("**Luật Chứng khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; và
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Các văn bản pháp luật nêu trên tự động dẫn chiếu đến văn bản sửa đổi, bổ sung tương ứng tùy từng thời kỳ.

CHƯƠNG I. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Định nghĩa

1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- (a) **“Công ty”** có nghĩa là Công ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam;
- (b) **“Điều lệ”** có nghĩa là Điều lệ của Công ty và các văn bản khác đính kèm theo đây (nếu có) được xây dựng làm cơ sở cho các quy định và tiêu chuẩn của Công ty, có thể được sửa đổi hay bổ sung tùy từng thời kỳ, và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- (c) **“Vốn điều lệ”** có nghĩa là tổng giá trị tài sản do Chủ sở hữu đã góp vào Công ty;
- (d) **“Luật Chứng khoán”** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- (e) **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- (f) **“Pháp luật”** có nghĩa là tất cả hiến pháp, bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị quyết, lệnh, nghị định, quyết định, thông tư, quy định, và các văn bản pháp luật khác được ban hành bởi bất kỳ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cũng như các thông lệ quốc tế, hiệp định, hiệp ước và các cam kết mà Việt Nam là thành viên (cũng như các sửa đổi, bổ sung của các văn bản này tại từng thời điểm), áp dụng đối với hoặc liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- (g) **“Chủ sở hữu”** có nghĩa là chủ sở hữu của Công ty, là Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam với thông tin chi tiết quy định tại Điều 9 của Điều lệ này;
- (h) **“Thành viên HĐQT”** có nghĩa là (các) thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty do Chủ sở hữu bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
- (i) **“Hội đồng Thành viên”** hoặc **“HĐTV”** có nghĩa là Hội đồng Thành viên của Công ty;
- (j) **“Ban điều hành”** có nghĩa là nhân sự quản lý bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính/Kế toán trưởng, và các Người đứng đầu phòng ban của Công ty;
- (k) **“Chủ tịch”** có nghĩa là Chủ tịch HĐQT của Công ty;
- (l) **“Kiểm soát viên”** có nghĩa là Kiểm soát viên của Công ty;

- (m) “**Người có liên quan**” là những người liên quan theo quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng khoán;
- (n) “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- (o) “**UBCKNN**” được hiểu là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ quan Nhà nước chịu trách nhiệm về chứng khoán và thị trường chứng khoán trực thuộc Bộ Tài chính của Việt Nam;
- (p) “**Ngân hàng Giám sát**” là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán;
- (q) “**VND**” hoặc “**Đồng Việt Nam**” có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam;
- (r) “**USD**” có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ;
- (s) “**Công ty (Các Công ty) Đầu tư Chứng khoán**” có nghĩa là quỹ đầu tư chứng khoán được tổ chức dưới dạng công ty cổ phần theo quy định của Pháp luật;
- (t) “**TNHH**” có nghĩa là trách nhiệm hữu hạn;
- (u) “**Giấy phép**” có nghĩa là Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ của Công ty, hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán hoặc tài liệu có giá trị tương đương của Công ty do UBCKNN cấp cho Công ty quy định về việc thành lập và hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật;
- (v) “**Người đại diện theo ủy quyền**” có nghĩa là người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu, là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh Chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này; và
- (w) “**Người được ủy quyền dự họp**” là người được Thành viên HĐQT ủy quyền hợp lệ để tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Thành viên của Công ty.

1.2 Trừ trường hợp ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những nguyên tắc sau đây sẽ được áp dụng:

- (a) Việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó;
- (b) Các tiêu đề của các điều khoản đưa vào Điều lệ này sẽ phục vụ cho mục đích tham khảo thuận tiện và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích của Điều lệ này. Bất kỳ việc tham chiếu tới một điều khoản của Điều lệ này sẽ được hiểu là tham chiếu đến nội dung của điều khoản đó;
- (c) Ngày tháng và thời gian được hiểu là ngày tháng và thời gian ở Việt Nam;
- (d) Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không được định nghĩa lại tại Điều lệ này và không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh áp dụng.

Điều 2. Tên Công ty

2.1 Tên đầy đủ viết bằng tiếng Việt:

Công Ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

2.2 Tên đầy đủ viết bằng tiếng Anh:

Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited

2.3 Tên giao dịch:

Công Ty Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

2.4 Tên viết tắt:

DFVN

2.5 Việc thay đổi tên của Công ty do Chủ sở hữu quyết định và phải được UBCKNN điều chỉnh Giấy phép của Công ty.

Điều 3. Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

3.1 Hình thức sở hữu:

- (a) Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu, được thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động theo Pháp luật có liên quan đến những điều khoản và điều kiện nêu trong Điều lệ này.
- (b) Công ty có thể chuyển thành công ty cổ phần trong tương lai theo quyết định của Chủ sở hữu, phải được sự chấp thuận của UBCKNN hoặc các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật.

3.2 Phạm vi trách nhiệm:

- (a) Công ty có tư cách pháp nhân riêng, có con dấu riêng, độc lập về tài chính với Chủ sở hữu với tài khoản tách biệt độc lập, và tồn tại, hoạt động theo Giấy phép và Pháp luật.
- (b) Chủ sở hữu chỉ chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty trong phạm vi số vốn góp của mình và không chịu trách nhiệm dưới bất kỳ hình thức nào khác với Công ty hoặc bất kỳ bên thứ ba nào ngoài phạm vi vốn góp của mình.

3.3 Chủ sở hữu không góp bất kỳ khoản tiền nào vào Công ty, ngoại trừ:

- (a) Chủ sở hữu quyết định góp vốn để thành lập Công ty và/hoặc tăng Vốn điều lệ của Công ty; hoặc
- (b) Khi việc góp vốn của Chủ sở hữu vào Vốn pháp định không đủ theo quy định của Pháp luật.

3.4 Chủ sở hữu không chịu trách nhiệm về các khoản nợ, tổn thất, chi phí hoặc các chi phí liên quan đến hoặc phát sinh từ các hoạt động của Công ty vượt quá số vốn Chủ sở hữu góp vào Công ty.

Điều 4. Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện tại Việt Nam

4.1 Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3810 0888

Fax: (028) 3844 9835

Địa chỉ website: <http://www.dfvn.con.vn>

4.2 Tùy theo nhu cầu của mình, Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh và địa chỉ văn phòng đại diện. Việc thành lập hoặc thay đổi nêu trên sẽ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN và/hoặc báo cáo các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phù hợp với Pháp luật.

Điều 5. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

5.1 Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong Giấy phép, bao gồm các hoạt động sau:

(a) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

(b) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;

(c) Tư vấn đầu tư chứng khoán; và

(d) Các nghiệp vụ khác theo quy định của Pháp luật và được sự chấp thuận của UBCKNN.

5.2 Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty có thể sửa đổi hoặc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh theo quy định Pháp luật và sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của Công ty như được ghi trong Giấy phép là năm mươi (50) năm bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép và có thể được gia hạn theo quy định của Pháp luật tại thời điểm hết hạn, trừ trường hợp bị giải thể theo quyết định của Chủ sở hữu hoặc chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

7.1 Công ty chỉ có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

7.2 Trừ trường hợp Chủ sở hữu và Hội đồng Thành viên có quyết định khác, người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ có các quyền và nghĩa vụ sau, ngoại trừ quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu và Hội đồng Thành viên:

- (a) đại diện cho Công ty để ký tất cả các tài liệu có liên quan đến và để thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công ty với bất kỳ bên thứ ba nào khác;
 - (b) đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các cơ quan tố tụng khác (nếu có) liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ này cũng như theo quyết định, nghị quyết của Hội đồng Thành viên và Chủ sở hữu (nếu có);
 - (c) đại diện cho Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty với bất kỳ bên thứ ba nào khác, bao gồm cả các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam; và
 - (d) các quyền và nghĩa vụ khác khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật Việt Nam.
- 7.3 Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền cho thành viên Ban điều hành khác của Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật Công ty được quy định trong Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.
- 7.4 Các quy định khác về người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Vốn điều lệ và điều chỉnh Vốn điều lệ

- 8.1. Vốn điều lệ của Công ty là **25.000.000.000 VNĐ (Hai mươi lăm tỷ Đồng Việt Nam)** do Chủ sở hữu đóng góp bằng tiền mặt thông qua việc chuyển khoản vào (các) tài khoản ngân hàng của Công ty.
- 8.2. Trong suốt thời gian hoạt động của Công ty, tùy theo nhu cầu kinh doanh của Công ty, nếu cần thiết phải tăng Vốn điều lệ, Chủ sở hữu có thể sử dụng một hoặc các phương thức sau đây:
 - (a) Tự góp thêm vốn;
 - (b) Tái đầu tư lợi nhuận của Công ty; và/hoặc
 - (c) Huy động thêm vốn góp từ các cá nhân, tổ chức khác.
- 8.3. Công ty có thể giảm Vốn điều lệ bằng hình thức hoàn trả một phần vốn góp cho Chủ sở hữu Công ty.
- 8.4. Bất kỳ việc tăng hoặc giảm Vốn điều lệ nào đều phải được sự chấp thuận của Chủ sở hữu, theo hình thức tăng/giảm và mức tăng/giảm Vốn điều lệ do Chủ sở hữu quyết định, đáp ứng các điều kiện cho việc tăng/giảm Vốn điều lệ theo quy định của Pháp luật, tuân theo quy định của Pháp luật, phải được sự chấp thuận của UBCKNN trước khi thực hiện việc điều chỉnh Vốn điều lệ và thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép sau khi hoàn tất việc điều chỉnh Vốn điều lệ.
- 8.5. Chủ sở hữu có quyền bán, chuyển nhượng, chuyển giao, thế chấp hay cầm cố, hoặc xử lý toàn bộ hoặc một phần Vốn điều lệ đã góp vào Công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Chủ sở hữu của Công ty

Thông tin chi tiết của Chủ sở hữu của Công ty như sau:

- 9.1. Tên : Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam
- 9.2. Địa chỉ : 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, TP.HCM
- 9.3. Giấy phép đầu tư số: 2134/GP được cấp ngày 12/10/1999 bởi Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- 9.4. Giấy phép điều chỉnh số: 14/GPĐC10/KDBH cấp ngày 18/01/2007 bởi Bộ Tài chính.
- 9.5. Ngành nghề kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ; Tái bảo hiểm; và các hoạt động đầu tư theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Quyền của Chủ sở hữu của Công ty

Chủ sở hữu của Công ty có các quyền sau đây:

- 10.1. Quyết định nội dung Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.

- 10.2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm, mục tiêu tài chính, chính sách cơ bản của Công ty.
- 10.3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Kiểm soát viên, Ban điều hành và nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
- 10.4. Quyết định các dự án đầu tư mang tính chiến lược của Công ty (không phải là quản lý tài sản của khách hàng hoặc các quỹ đầu tư) mà không phải là các hoạt động đầu tư thông thường có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý).
- 10.5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- 10.6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý).
- 10.7. Quyết định bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý).
- 10.8. Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu.
- 10.9. Quyết định thành lập công ty con của Công ty, góp vốn vào công ty khác.
- 10.10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 10.11. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.
- 10.12. Quyết định tái cơ cấu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty.
- 10.13. Quyết định và chấp thuận các vấn đề kinh doanh quan trọng về đầu tư vốn và bố trí nguồn vốn.
- 10.14. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.
- 10.15. Quyết định ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu.
- 10.16. Quyết định dự án đầu tư phát triển của Công ty; và
- 10.17. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Pháp luật.

Điều 11. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu của Công ty

Chủ sở hữu của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

- 11.1. Góp Vốn điều lệ vào Công ty đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết.
- 11.2. Tuân thủ Điều lệ.
- 11.3. Xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu với tài sản của Công ty.
- 11.4. Tuân thủ quy định của Pháp luật về hợp đồng và Pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Chủ sở hữu.
- 11.5. Chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu sẽ liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.
- 11.6. Không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn; và
- 11.7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Điều 12. Thực hiện quyền của Chủ sở hữu Công ty trong một số trường hợp đặc biệt

- 12.1. Trường hợp Chủ sở hữu chuyển nhượng, tặng cho một phần Vốn điều lệ cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác thì Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.
- 12.2. Trường hợp Chủ sở hữu bị giải thể hoặc phá sản thì người nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Chủ sở hữu trở thành Chủ sở hữu Công ty. Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 13. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty

13.1. Công ty hoạt động theo hình thức công ty TNHH một thành viên.

13.2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty bao gồm:

- (a) Hội đồng Thành viên;
- (b) Tổng Giám đốc; và
- (c) Kiểm soát viên.

Điều 14. Hội đồng Thành viên

14.1. Hội đồng Thành viên nhân danh Chủ sở hữu, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật có liên quan.

14.2. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng Thành viên

- (a) Hội đồng Thành viên gồm các Thành viên HĐQT, được bổ nhiệm và miễn nhiệm hoàn toàn tùy thuộc và quyết định của Chủ sở hữu. Thành viên HĐQT có thể là người có quốc tịch Việt Nam hoặc người có quốc tịch nước ngoài, cư trú tại Việt Nam hoặc nước ngoài.
- (b) Chủ sở hữu sẽ quyết định số Thành viên HĐQT, có thể thay đổi trong phạm vi từ ba (03) đến năm (05) Thành viên HĐQT, bằng văn bản vào từng thời điểm cụ thể.

14.3. Thời hạn nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT

Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT là ba (03) năm, có thể được gia hạn với tổng thời gian thuộc mỗi nhiệm kỳ không quá năm (05) năm, và có thể được Chủ sở hữu tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

14.4. Quyền của Hội đồng Thành viên

Trừ trường hợp Chủ sở hữu có quyết định khác, Hội đồng Thành viên được Chủ sở hữu ủy quyền thực hiện các quyền sau đây:

- (a) Quyết định sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;
- (b) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh và mục tiêu tài chính của Công ty;
- (c) Quyết định cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty, quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm Ban điều hành, và nhân viên bộ phận kiểm toán nội của Công ty;

- (d) Chấp thuận các dự án đầu tư mang tính chiến lược của Công ty (không phải là quản lý tài sản của khách hàng hoặc các quỹ đầu tư) mà không phải là các hoạt động đầu tư thông thường, có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý);
- (e) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (f) Chấp thuận các hợp đồng vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý);
- (g) Chấp thuận giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (không bao gồm tài sản của nhà đầu tư ủy thác và các quỹ do Công ty quản lý);
- (h) Quyết định tăng, giảm Vốn điều lệ của Công ty; quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn điều lệ của Công ty cho (các) tổ chức hoặc (các) cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu;
- (i) Quyết định thành lập các công ty con của Công ty, và việc góp vốn của Công Ty vào các doanh nghiệp khác;
- (j) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của Công ty;
- (k) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- (l) Quyết định tái cơ cấu, giải thể và yêu cầu tuyên bố phá sản Công ty;
- (m) Quyết định và chấp thuận những vấn đề kinh doanh quan trọng về đầu tư và định đoạt vốn;
- (n) Quyết định ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng Thành viên; và
- (o) Chấp thuận các dự án đầu tư phát triển của Công ty.

Nội dung cụ thể về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Thành viên sẽ được quy định riêng bằng văn bản.

14.5. Chủ tịch

Chủ sở hữu bổ nhiệm một Thành viên HĐQT là Chủ tịch. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là ba (03) năm, có thể được gia hạn với tổng thời gian thuộc mỗi nhiệm kỳ không quá năm (05) năm, và có thể được Chủ sở hữu tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ sau:

- (a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Thành viên;
- (b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng Thành viên hoặc để lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT;
- (c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng Thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT;
- (d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Thành viên;
- (e) Thay mặt Hội đồng Thành viên ký các quyết định Hội đồng Thành viên đã thông qua; và
- (f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

14.6. Vắng mặt Chủ tịch

Chủ tịch vắng mặt sẽ ủy quyền bằng văn bản cho một Thành viên HĐQT thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trường hợp không có Thành viên HĐQT được ủy quyền hoặc Chủ tịch không làm việc được, thì Chủ sở hữu bổ nhiệm một người tạm thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

14.7. Thủ tục triệu tập cuộc họp Hội đồng Thành viên

- (a) Cuộc họp Hội đồng Thành viên thường niên (thường kỳ) được tổ chức mỗi năm một lần và cuộc họp Hội đồng Thành viên bất thường (đặc biệt) được tổ chức khi cần thiết theo quyết định của Chủ tịch hoặc người được Chủ tịch ủy quyền cụ thể để quyết định vấn đề này. Các cuộc họp Hội đồng Thành viên do Chủ tịch triệu tập và làm chủ tọa. Chủ tịch chuẩn bị chương trình của mỗi cuộc họp và gửi tới mỗi Thành viên HĐQT năm (05) ngày trước khi diễn ra cuộc họp trừ khi được Thành viên HĐQT và/hoặc Người được ủy quyền dự họp đó đồng ý bằng văn bản một cách thức hoặc nội dung khác, hoặc bằng cách có mặt tại cuộc họp đó.
- (b) Tài liệu sử dụng liên quan đến cuộc họp về quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thông qua chiến lược phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được chia sẻ chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng Thành viên.

14.8. Ủy quyền quyền dự họp Hội đồng Thành viên

Nếu một Thành viên HĐQT không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Thành viên nào đó, Thành viên HĐQT đó có thể chỉ định một người trong số các Thành viên HĐQT còn lại làm người được ủy quyền đại diện cho mình tại cuộc họp đó và biểu quyết thay mặt mình tại cuộc họp đó. Việc chỉ định người được ủy quyền phải được lập thành văn bản có chữ ký của Thành viên HĐQT thực hiện việc ủy quyền và chữ ký của người được ủy quyền, đồng thời được gửi hoặc giao cho Chủ tịch vào hoặc trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng Thành viên đó. Mỗi Thành viên HĐQT không chỉ định nhiều hơn một (01) Người được ủy quyền dự họp.

14.9. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng Thành viên

Tối thiểu hai phần ba (2/3) Thành viên HĐQT hoặc Người được ủy quyền dự họp tham gia họp.

14.10. Biểu quyết

- (a) Công việc tại các cuộc họp của Hội đồng Thành viên được tiến hành theo chương trình họp do Chủ tịch cung cấp theo Điều 14.7, và mỗi vấn đề phát sinh sẽ được thảo luận và đưa vào quyết định của Hội đồng Thành viên dưới hình thức nghị quyết.
- (b) Mỗi Thành viên HĐQT (hoặc Người được ủy quyền dự họp, nếu Thành viên HĐQT vắng mặt) có một (01) phiếu biểu quyết.
- (c) Các nghị quyết của Hội đồng Thành viên về các vấn đề quy định tại Điều 14.4(a), 14.4(g), 14.4(h), và 14.4(l) chỉ được thông qua nếu có số phiếu biểu quyết tán thành của bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số Thành viên HĐQT hoặc Người được ủy quyền dự họp tham dự tại cuộc họp Hội đồng Thành viên.
- (d) Tất cả các nghị quyết khác của Hội đồng Thành viên chỉ được chấp thuận nếu có số phiếu biểu quyết tán thành của đa số các Thành viên HĐQT hoặc Người được ủy quyền dự họp tham dự tại cuộc họp Hội đồng Thành viên.

14.11. Biên bản họp Hội đồng Thành viên

Biên bản của tất cả cuộc họp Hội đồng Thành viên và về các nội dung được tiến hành tại từng cuộc họp được lưu giữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh, và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Bản sao Biên bản của tất cả các cuộc họp Hội đồng Thành viên sẽ được gửi đến từng Thành viên HĐQT và/hoặc Người được ủy quyền dự họp ngay trước các cuộc họp Hội đồng Thành viên kế tiếp và sẽ được xem xét, thông qua với bất kỳ sửa đổi cần thiết tại cuộc họp Hội đồng Thành viên kế tiếp.

Biên bản phải bao gồm các nội dung sau đây:

- (a) Thời gian và địa điểm của cuộc họp; chương trình họp;
- (b) Tên đầy đủ của mỗi Thành viên HĐQT và/hoặc Người được ủy quyền dự họp;

- (c) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm lược ý kiến của Thành viên HĐQT và/hoặc Người được ủy quyền dự họp đối với mỗi vấn đề được thảo luận;
- (d) Tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận, phản đối và phiếu trắng đối với từng vấn đề biểu quyết;
- (e) Các nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng; và
- (f) Chữ ký và họ tên đầy đủ của từng Thành viên HĐQT và/hoặc Người được ủy quyền dự họp.

14.12. **Họp Hội đồng Thành viên và dự họp theo hình thức điện tử**

Cuộc họp Hội đồng Thành viên có thể được tổ chức qua điện thoại hoặc các phương tiện điện tử khác, cũng như dưới hình thức tham dự trực tiếp, miễn là tất cả Thành viên HĐQT hoặc Người được ủy quyền dự họp tham gia cuộc họp được tổ chức như vậy đều có thể lắng nghe, trao đổi với nhau cùng một lúc. Việc dự họp theo cách thức đó được xem như sự có mặt tại cuộc họp đó hoặc tại bất kỳ cuộc họp Hội đồng Thành viên thường kỳ hoặc đặc biệt nào.

14.13. **Địa điểm họp Hội đồng Thành viên**

Hội đồng Thành viên có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Trường hợp tổ chức họp HĐQT tại nơi khác, sẽ thông báo trước cho các Thành viên HĐQT.

14.14. **Lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng Thành viên**

Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Hội đồng Thành viên có thể được thực hiện bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty mà không cần tổ chức một cuộc họp Hội đồng Thành viên, với điều kiện là Chủ tịch phải gửi văn bản thông báo cho tất cả các Thành viên HĐQT và/hoặc Người được ủy quyền dự họp về nghị quyết dự thảo. Nghị quyết được tất cả các Thành viên HĐQT và/hoặc Người được ủy quyền dự họp nhất trí thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Thành viên. Nghị quyết đó và mọi nhất trí bằng văn bản đối với nghị quyết đó sẽ được lưu trong sổ biên bản của Công ty.

14.15. **Giá trị pháp lý của các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Thành viên**

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Thành viên có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày ghi tại nghị quyết, quyết định, trừ khi được quy định khác đi trong nghị quyết, quyết định đó.

Điều 15. Tổng Giám đốc

Công ty có một (01) Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm bởi Hội đồng Thành viên, là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng Thành viên và chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Hội đồng Thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm, được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Thành viên.

Điều 16. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 16.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 16.2. Không phải là Người có liên quan của Thành viên HĐQT hoặc người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Thành viên của HĐQT.
- 16.3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
- 16.4. Đáp ứng được các điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

- 17.1. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Thành viên, quản lý và thực hiện tất cả quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi các hướng dẫn, quyết định, nghị quyết do Hội đồng Thành viên ban hành, bao gồm như sau, ngoại trừ quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Thành viên và Chủ sở hữu:
 - (a) Tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Thành viên;
 - (b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - (d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty ngoại trừ quy chế thuộc thẩm quyền của Hội đồng Thành viên;
 - (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Thành viên;
 - (f) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch;
 - (g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
 - (h) Nộp báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng Thành viên;
 - (i) Kiến nghị liên quan đến kế hoạch sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- (j) Tuyển dụng lao động, bao gồm: tuyển dụng nhân viên/người lao động thời vụ, chính thức toàn thời gian hoặc bán thời gian cho Công ty; tuyển dụng học việc; ký kết hoặc chấm dứt, tạm hoãn hợp đồng lao động; thực hiện các biện pháp kỷ luật lao động kể cả quyết định sa thải hay miễn trách nhiệm; các công việc khác liên quan đến nhân sự theo Pháp luật; ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Thành viên;
 - (k) Quyết định và xử lý tất cả các vấn đề khác ảnh hưởng đến hoạt động và lợi nhuận của Công ty mà Điều lệ này không quy định rõ ràng thuộc về thẩm quyền quyết định của Hội đồng Thành viên;
 - (l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội đồng Thành viên tùy từng thời điểm; và
 - (m) Có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật tùy từng thời điểm.
- 17.2. Hội đồng Thành viên có thể giao cho Tổng Giám đốc các quyền và trách nhiệm khác để đạt được lợi ích tối đa cho Công ty. Các quyền và trách nhiệm này của Tổng Giám đốc có thể bị thu hồi hoặc thay đổi bởi Hội đồng Thành viên.

Điều 18. Các chức danh quản lý khác

18.1. Phó Tổng Giám đốc

- (a) Công ty có thể có một (01) hoặc nhiều hơn một (01) Phó Tổng Giám đốc, nếu được Pháp luật yêu cầu hoặc theo quyết định của Hội đồng Thành viên. Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm và bãi nhiệm bởi Hội đồng Thành viên và chịu trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ này. Người được chỉ định là Phó Tổng Giám đốc phải có trình độ và kinh nghiệm phù hợp theo quy định của Pháp luật. Nhiệm kỳ của Phó Tổng Giám đốc là ba (03) năm, và có thể được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Thành viên;
- (b) Tổng Giám đốc xác định nhiệm vụ của các Phó Tổng Giám đốc theo sự chấp thuận của Hội đồng Thành viên.

18.2. Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng

- (a) Công ty có một (01) Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng đáp ứng điều kiện của Pháp luật. Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng được bổ nhiệm và miễn nhiệm bởi Hội đồng Thành viên. Nhiệm kỳ của Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng là ba (03) năm, gia hạn theo quyết định của Hội đồng Thành viên;
- (b) Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc quản lý tài chính và kế toán, xem xét và thông qua kế hoạch tài chính, kế hoạch tín dụng và báo cáo kế toán của Công ty;

- (c) Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng chuẩn bị báo cáo kế toán và báo cáo tài chính của Công ty. Giám đốc Tài chính và/hoặc Kế toán trưởng phải đảm bảo các độ tin cậy và tính chính xác của báo cáo, danh mục hóa đơn thuế giá trị gia tăng, chứng từ thanh toán và các vấn đề tài chính khác theo quy định của Điều lệ này và đảm bảo cho các hoạt động tài chính của Công ty được phản ánh đúng trong báo cáo.

Điều 19. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Ban điều hành, Kiểm soát viên

- 19.1. Ban điều hành được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn; trừ khi có quyết định khác của Hội đồng Thành viên.
- 19.2. Chính sách đãi ngộ của Ban điều hành và thù lao bao gồm cả tiền lương và tiền thưởng trả cho Ban điều hành được quyết định bởi Hội đồng Thành viên.
- 19.3. Thù lao, tiền lương và thưởng của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan. Các khoản thù lao, tiền lương này phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
- 19.4. Kiểm soát viên do Chủ sở hữu chỉ định. Do đó, Công ty không chi trả các khoản tiền lương, tiền thưởng cho Kiểm soát viên.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu

- 20.1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ này.
- 20.2. Trường hợp Chủ sở hữu cử nhiều Người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Chủ sở hữu không xác định rõ phần vốn góp cho mỗi Người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp sẽ được chia đều cho tất cả các Người đại diện theo ủy quyền.
- 20.3. Văn bản cử Người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty theo địa chỉ trụ sở chính của Công ty quy định tại Điều lệ này, và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản.
- 20.4. Văn bản cử Người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Chủ sở hữu;
 - (b) Số lượng Người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tương ứng của mỗi Người đại diện theo ủy quyền;

hu

- (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân từng Người đại diện theo ủy quyền;
 - (d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng Người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - (e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Chủ sở hữu và của Người đại diện theo ủy quyền.
- 20.5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (a) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
 - (b) Tiêu chuẩn và điều kiện khác do Điều lệ này quy định (nếu có); và
 - (c) Tiêu chuẩn và điều kiện khác do Chủ sở hữu quyết định tại từng thời điểm (nếu có).
- 20.6 Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại Hội đồng Thành viên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Mọi hạn chế của Chủ sở hữu với Người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ sở hữu tương ứng tại Hội đồng Thành viên đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
- 20.7 Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng Thành viên; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu.
- 20.8 Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Chủ sở hữu chỉ chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua Người đại diện theo ủy quyền.

Điều 21. Kiểm soát nội bộ và các hoạt động

- 21.1. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty, thành lập Bộ phận Kiểm soát Nội bộ trực thuộc Ban điều hành và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm chính sách, quy chế, quy trình và các quy định nội bộ khác.
- 21.2. Bộ phận Kiểm soát Nội bộ có trách nhiệm:
- (a) Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, bộ phận và cả Công ty tuân thủ các quy định Pháp luật, các chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công ty;
 - (b) Giám sát việc thực thi trách nhiệm của toàn bộ nhân viên trong Công ty đối với các hoạt động đã được phân cấp, ủy quyền. Nguyên tắc phân cấp, ủy quyền trong Công ty phải bảo đảm:
 - (i) Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong Công ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi thực hiện;
 - (ii) Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí, thực hiện các nhiệm vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn hoặc chông chéo. Nhân sự được bố trí, bảo đảm một người không thể độc lập, tự mình ra quyết định và thực hiện từ hai hoạt động trở lên trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác.
 - (c) Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty;
 - (d) Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro cho hoạt động của Công ty và cho từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động đầu tư của Công ty và của khách hàng ủy thác;

- (e) Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán được định giá phù hợp với quy định của Pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của Công ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản khách hàng được quản lý tách biệt, độc lập; báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của Công ty được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của Pháp luật;
 - (f) Giám sát, bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những sự cố phát sinh như thiên tai, cháy, nổ, bảo đảm hoạt động liên tục của Công ty;
 - (g) Đề xuất các phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra;
 - (h) Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong trường hợp Công ty không buộc phải thành lập Bộ phận Kiểm toán Nội bộ theo quy định của Pháp luật.
- 21.3. Nhân viên của Bộ phận Kiểm soát Nội bộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế tổ chức nội bộ của Công ty (nếu có).
- 21.4. Công ty báo cáo các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro cho Chủ sở hữu.
- 21.5. Công ty thành lập một Ủy ban kết hợp với Chủ sở hữu để trao đổi và xây dựng kế hoạch quản lý đầu tư.

Điều 22. Kiểm toán nội bộ và kiểm toán của Chủ sở hữu

- 22.1. Công ty là Công ty đại chúng hoặc quản lý các quỹ đại chúng hoặc Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải thành lập Bộ phận Kiểm toán Nội bộ do Hội đồng Thành viên chỉ định và trực thuộc Hội đồng Thành viên.

Khi đó, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ phải đáp ứng các quy định sau:

- (a) Nhân sự của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế tổ chức nội bộ của Công ty (nếu có).
- (b) Trách nhiệm của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ:
 - (i) Kiểm tra, đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động quản trị Công ty, hoạt động điều hành, phối hợp của từng bộ phận, từng vị trí công tác nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của khách hàng;

- (ii) Kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, mức độ tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ; hệ thống kiểm soát nội bộ; các chính sách, quy trình nội bộ, bao gồm quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, kế toán, quy trình và hệ thống báo cáo, công bố thông tin, quy trình tiếp nhận và xử lý tố cáo, khiếu kiện từ khách hàng, và các quy định nội bộ khác;
 - (iii) Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro;
 - (iv) Thực hiện việc kiểm toán hoạt động theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải được Hội đồng Thành viên hoặc Chủ sở hữu Công ty phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - Kiểm toán nội bộ được thực hiện hằng năm và đột xuất;
 - Các hoạt động, quy trình, bộ phận phải được đánh giá mức độ rủi ro theo quy định nội bộ của Công ty. Các hoạt động, quy trình, bộ phận có mức độ rủi ro cao được tập trung nguồn lực, ưu tiên thực hiện kiểm toán trước và được kiểm toán tối thiểu mỗi năm một (01) lần;
 - Kế hoạch kiểm toán định kỳ hằng năm phải được điều chỉnh khi có thay đổi về mức độ rủi ro của các hoạt động, quy trình, bộ phận;
 - (v) Thực hiện kiểm toán toàn bộ hoạt động của tất cả các bộ phận trong Công ty tối thiểu hai (02) năm một lần;
 - (vi) Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Công ty; theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán đã được Hội đồng Thành viên phê duyệt.
- (c) Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
- (i) Độc lập: Bộ phận Kiểm toán Nội bộ và hoạt động của bộ phận này độc lập với các bộ phận và hoạt động khác của Công ty, không chịu sự quản lý của Ban điều hành Công ty. Nhân viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận khác của Công ty;
 - (ii) Khách quan: kiểm toán nội bộ phải khách quan, công bằng, không định kiến, không tác động, không bị can thiệp khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - (iii) Trung thực: công tác kiểm toán nội bộ phải được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và có trách nhiệm;

- (iv) Phối hợp: Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được toàn quyền tiếp cận không hạn chế các thông tin, tài liệu của Công ty. Ban điều hành và mọi nhân viên của Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác mọi thông tin, tài liệu liên quan, theo yêu cầu của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ. Các bộ phận trong Công ty có trách nhiệm thông báo cho Bộ phận Kiểm toán Nội bộ khi phát hiện những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro hoặc thất thoát lớn về tài sản của Công ty hoặc của khách hàng;
- (v) Bảo mật: Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, nhân viên Bộ phận Kiểm toán Nội bộ không được tiết lộ các thông tin có được trong quá trình kiểm toán, trừ trường hợp phải cung cấp cho UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.

22.2. Chủ sở hữu có quyền kiểm tra hoặc kiểm toán Công ty và có quyền xem xét bất kỳ tài liệu hoặc giấy tờ của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về việc thực hiện quyền sở hữu và quản lý, điều hành và kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Chủ sở hữu.

Điều 23. Kiểm soát viên

23.1. Chủ sở hữu bổ nhiệm một (01) Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba (03) năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

23.2. Kiểm soát viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu và trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- (b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan; và trình Chủ sở hữu báo cáo thẩm định;
- (c) Kiến nghị Hội đồng Thành viên các giải pháp sửa đổi hoặc bổ sung cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- (d) Xem xét bất kỳ hồ sơ nào của Công ty tại trụ sở chính, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty. Hội đồng Thành viên và Ban Điều hành có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin về thực hiện quyền Chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;
- (e) Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng Thành viên và các cuộc họp khác trong Công ty; và

- (f) Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này hoặc theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu Công ty.
- 23.3. Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty. Hội đồng Thành viên và Ban Điều hành có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền Chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
- 23.4. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Không phải là Người có liên quan của Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, hoặc người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên; và
 - (c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, hoặc tiêu chuẩn hay điều kiện khác do Chủ sở hữu quy định tại từng thời điểm.

Điều 24. Trách nhiệm của Thành viên HĐQT, Ban điều hành và Kiểm soát viên

- 24.1. Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ và quyết định của Chủ sở hữu và Hội đồng Thành viên trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- 24.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu;
- 24.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 24.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và Người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp, cổ phần chi phối. Thông báo này phải được niêm yết tại trụ sở chính của Công ty; và
- 24.5. Các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

Điều 25. Hợp đồng và giao dịch của Công ty với Người có liên quan

- 25.1. Mỗi Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên có một (01) phiếu biểu quyết ngang nhau trong việc biểu quyết và quyết định theo nguyên tắc đa số các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty và:
- (a) Chủ sở hữu và Người có liên quan của Chủ sở hữu;
 - (b) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên;

- (c) Người có liên quan của những người quy định tại Điều 25.1(b) nêu trên;
- (d) Người quản lý của Chủ sở hữu, và người có thẩm quyền bổ nhiệm những Người quản lý đó; và
- (e) Người có liên quan của những người quy định tại Điều 25.1(d) nêu trên.

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Kiểm soát viên là một bên trong hợp đồng, giao dịch hoặc là Người có liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu trên.

- 25.2. Người nhân danh Công ty ký kết hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 25.1 nêu trên phải thông báo cho Hội đồng Thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.
- 25.3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.
- 25.4. Hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - (a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;
 - (b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện; và
 - (c) Chủ sở hữu tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại Điều 11.4 của Điều lệ này.
- 25.5. Hợp đồng hoặc giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật, nếu việc thi hành và thực hiện chúng không phù hợp với Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và phải bồi thường, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 26. Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Công ty

- 26.1. Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.
- 26.2. Công ty phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phải sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Các quy trình được triển khai áp dụng thống nhất trong hoạt động Công ty.
- 26.3. Công ty phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa Công ty và nhân viên.
- 26.4. Công ty phải thiết lập hệ thống quản trị rủi ro và ban hành chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro phù hợp với mô hình tổ chức, quy mô hoạt động của Công ty, các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và khách hàng ủy thác do Công ty quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro, chiến lược, chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng dựa theo các thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của UBCKNN.
- 26.5. Khi quản lý tài sản ủy thác, Công ty phải đảm bảo:
 - (a) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - (b) Ký hợp đồng lưu ký hoặc hợp đồng giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

han

- (c) Thực hiện lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.
- (i) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng ủy thác: Công ty chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;
- (ii) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty TNHH, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác: Công ty phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
- (d) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản tới từng khách hàng ủy thác; tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký các tài sản đó;
- (e) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của khách hàng ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;

- (f) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Người điều hành quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu hai (02) năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.

26.6. Công ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

Trường hợp trong ngày Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty, việc phân bổ tài sản, giao dịch được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- (a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản đã ban hành. Trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, trường hợp khách hàng ủy thác không chỉ định giá giao dịch, tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, Công ty phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản; trường hợp khách hàng ủy thác chỉ định giá giao dịch, Công ty phân bổ theo mức giá khách hàng chỉ định;
- (b) Việc phân bổ giao dịch cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch cho khách hàng ủy thác. Trường hợp Công ty biết thông tin nội bộ hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, Công ty không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó;
- (c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.

26.7. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, Công ty bảo đảm:

- (a) Đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với: quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng có thời gian hoạt động chưa đủ sáu (06) tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động đến hết năm mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó được thành lập; Quỹ mở trái phiếu có tổng giá trị giao dịch trong năm thấp hơn 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ Đồng Việt Nam);

- (b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công ty phải tuân thủ quy định tại điểm (a) khoản này, trừ trường hợp Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của công ty quản lý quỹ với công ty chứng khoán và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

26.8. Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng, Công ty có trách nhiệm bảo đảm:

- (a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác, giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán và các hoạt động quản trị quỹ khác theo quy định của Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
- (b) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán;
- (c) Công ty được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyên nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định của Pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

26.9. Khi thực hiện quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, Công ty phải:

- (a) Bảo đảm chịu sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - (b) Bảo đảm thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư, loại tài sản đầu tư và báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;
 - (c) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hằng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - (d) Thực hiện các chính sách đầu tư, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch đã được quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - (e) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;
 - (f) Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - (g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.
- 26.10. Khi quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, Công ty phải đảm bảo tuân thủ Pháp luật về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện.
- 26.11. Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về: khách hàng ủy thác, danh mục tài sản ủy thác, giao dịch tài sản ủy thác, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát. Công ty phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng Ủy thác với ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát.

- 26.12. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định của Pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty theo Pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư thì Công ty phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất. Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.
- 26.13. Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng ủy thác đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở thực hiện theo quy định của Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- 26.14. Công ty thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán nếu xét thấy cần thiết hoặc trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định tại Điều 26.13 nêu trên.
- 26.15. Công ty phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định Pháp luật. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.
- 26.16. Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán, về phòng chống rửa tiền và các quy định Pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.
- (a) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán, về phòng chống rửa tiền, về giao dịch điện tử, và các quy định Pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;

- (b) Công ty, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của Pháp luật về chứng khoán, về phòng chống rửa tiền và quy định Pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (c) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty, đại lý phân phối thông qua Công ty phải thông báo tới UBCKNN;
 - (d) Trong trường hợp cần thiết, UBCKNN yêu cầu Công ty, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.
- 26.17. Công ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định Pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp Việt Nam.
- 26.18. Công ty khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.
- 26.19. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- 26.20. Công ty phải bảo đảm:
- (a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp Công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là Người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty;
 - (b) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong Công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;

- (c) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của Công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

26.21. Trong hoạt động đầu tư tài chính từ vốn chủ sở hữu, Công ty bảo đảm:

- (a) Hoạt động đầu tư tài chính phải từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;
- (b) Không được đầu tư chứng khoán phái sinh từ nguồn vốn của mình, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- (c) Không được cho vay, hoặc giao vốn của Công ty cho các tổ chức, cá nhân dưới mọi hình thức, ngoại trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của Pháp luật ngân hàng, đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc, trái phiếu niêm yết được phát hành theo quy định của Pháp luật;
- (d) Hợp đồng kinh tế, giao dịch giữa Công ty với những Người có liên quan của Công ty chỉ được thực hiện sau khi được HĐQT, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên thông qua theo quy định tại Điều lệ và Pháp luật về doanh nghiệp;
- (e) Được sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư làm trụ sở Công ty. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, Công ty được cho thuê lại;
- (f) Công ty có trách nhiệm báo cáo UBCKNN về các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và tình hình tăng, giảm giá trị các khoản đầu tư này trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư, thay đổi giá trị khoản đầu tư, thoái vốn đầu tư theo mẫu quy định của Pháp luật;
- (g) Công ty và Người có liên quan (ngoại trừ Người có liên quan là các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý) chỉ được đầu tư không quá năm phần trăm (5%) số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

26.22. Công ty phải được UBCKNN chấp thuận và phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức trước khi thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải bảo đảm tuân thủ quy định của Pháp luật có liên quan và các nguyên tắc sau:

- (a) Công ty được phép đầu tư tối đa hai mươi phần trăm (20%) vốn Chủ sở hữu tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính sáu (06) tháng gần nhất đã được soát xét và báo cáo tài chính quý gần nhất; đảm bảo không vượt quá hạn mức đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận. Công ty chỉ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;

- (b) Trường hợp danh mục đầu tư của Công ty vượt quá hạn mức quy định do biến động giá trên thị trường của tài sản đang nắm giữ hoặc do được hưởng các quyền có liên quan đến tài sản nắm giữ, Công ty phải thực hiện các biện pháp điều chỉnh cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều 26.22(a) nêu trên trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày đầu tư vượt quá hạn mức.
- 26.23. Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công ty, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định Pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.
- 26.24. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty có trách nhiệm:
- (a) Công ty cùng với các khách hàng ủy thác phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với cổ đông lớn của công ty đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng, người nội bộ, Người có liên quan của người nội bộ;
- (b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:
- (i) Số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ do Công ty và các khách hàng ủy thác sở hữu đạt từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng hoặc đạt từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ của một quỹ đóng, ngoại trừ khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục;
- (ii) Công ty là người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Pháp luật, ngoại trừ giao dịch hoán đổi của quỹ hoán đổi danh mục và hoạt động tái cơ cấu danh mục theo định kỳ của chỉ số tham chiếu;
- (iii) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức, thời điểm công bố thông tin, mẫu báo cáo sở hữu, công bố thông tin thực hiện theo quy định Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- (c) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng ủy thác có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
- 26.25. Công ty có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên, cử người hành nghề chứng khoán tham gia các khóa tập huấn do UBCKNN tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của Công ty phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hằng năm gửi UBCKNN.

26.26. Công ty phải cập nhật đầy đủ, kịp thời các thay đổi về tổ chức và hoạt động của Công ty vào cơ sở dữ liệu công ty quản lý quỹ của UBCKNN.

Điều 27. Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty

- 27.1. Công ty không được là Người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên HĐQT, nhân viên Bộ phận Kiểm toán Nội bộ, Kiểm soát viên, Ban điều hành, và nhân viên của Công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- 27.2. Công ty, Người có liên quan của Công ty được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán cho phép, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại Điều 27.6(b) dưới đây.
- 27.3. Công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Ban điều hành, và nhân viên của Công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà Công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
- (a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
 - (b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
- 27.4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công ty phải báo cáo Bộ phận Kiểm soát Nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại Bộ phận Kiểm soát Nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.

27.5. Thành viên HĐQT, Ban điều hành, và nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ, thường theo quy định tại Điều 27.9 dưới đây được quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư.

27.6. Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công ty bảo đảm:

- (a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào chính quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đó;
- (b) Không được sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục, quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do mình quản lý để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp một trăm phần trăm (100%) vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
- (c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công ty; không đầu tư vào tổ chức là Người có liên quan của Công ty trừ trường hợp sử dụng tài sản của quỹ hoán đổi danh mục để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà Thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, và nhân viên của Công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

Công ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng ủy thác đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức giá dịch vụ quản lý phù hợp và đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 27.6(b) này.

- (d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty, người có liên quan của Công ty, tổ chức, cá nhân khác.

Quy định này không áp dụng đối với: khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; hoặc trong trường hợp khách hàng ủy thác quản lý danh mục đứng tên chủ sở hữu tài sản ủy thác;

- (e) Chỉ sử dụng tài sản của khách hàng ủy thác quản lý danh mục để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà khách hàng ủy thác đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;
 - (f) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng ủy thác về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư hoặc bảo đảm khách hàng ủy thác không bị thua lỗ, trừ trường hợp đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của Công ty; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư;
 - (g) Không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho khách hàng ủy thác.
- 27.7. Công ty chỉ được sử dụng vốn Chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đảm bảo:
- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;
 - (b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
- 27.8. Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- 27.9. Ngoại trừ quỹ mở, Công ty được nhận thưởng hoạt động theo quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư. Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:

- (a) Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hằng năm của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
- (b) Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

Điều 28. Ủy quyền hoạt động

28.1. Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh, Công ty được:

- (a) Ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện các hoạt động quản trị quỹ, đại lý chuyên nhượng cho quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- (b) Ủy quyền cho tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý tài sản đối với tài sản của khách hàng ủy thác đầu tư tại nước ngoài.

28.2. Khi thực hiện ủy quyền các hoạt động quy định tại Điều 28.1 như trên, Công ty phải bảo đảm:

- (a) Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có quy định cho phép Công ty được ủy quyền các hoạt động này. Trường hợp ủy quyền hoạt động theo quy định tại Điều 28.1(b) nêu trên, tổ chức nước ngoài phải được cơ quan quản lý trong lĩnh vực chứng khoán nước ngoài cấp phép hoạt động nhận ủy quyền và chịu sự quản lý, thanh tra, giám sát của cơ quan này;
- (b) Các thông tin cơ bản của bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại Bản cáo bạch, cung cấp cho khách hàng ủy thác. Đại hội nhà đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác có quyền yêu cầu Công ty thay đổi tổ chức nhận ủy quyền nếu xét thấy cần thiết;
- (c) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm để thực hiện hoạt động được ủy quyền;
- (d) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;
- (e) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty báo cáo kiểm toán độc lập đối với hoạt động ủy quyền, các tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty theo quy định tại Điều 28.3(c) và 28.4; và
- (f) Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền hoạt động theo quy định tại Điều

28.1(a) nêu trên phải được nêu rõ tại Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán. Việc ủy quyền hoạt động và bên nhận ủy quyền theo quy định tại Điều 28.1(b) nêu trên phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác chấp thuận bằng văn bản.

28.3. Đối với hoạt động ủy quyền, Công ty có trách nhiệm:

- (a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
- (b) Ký hợp đồng ủy quyền với bên nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền bao gồm các nội dung tối thiểu theo quy định của Pháp luật;
- (c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của Pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Công ty và của khách hàng ủy thác. Công ty được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định tại điểm này. Định kỳ hằng tháng, Công ty phải lập báo cáo tổng hợp về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động đã ủy quyền;
- (d) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- (e) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình bảo đảm tại mọi thời điểm, Công ty, tổ chức kiểm toán độc lập, UBCKNN có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- (f) Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty đối với khách hàng ủy thác. Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tài chính và pháp lý phát sinh từ việc ủy quyền, trừ các nghĩa vụ pháp lý, các khoản phí mà khách hàng trực tiếp thỏa thuận, thanh toán cho bên nhận ủy quyền trên cơ sở hợp đồng ủy thác đầu tư, hợp đồng giám sát, hợp đồng lưu ký, quy định tại điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và phù hợp với quy định của Pháp luật liên quan. Công ty phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư và dịch vụ cung cấp cho khách hàng ủy thác;

- (g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
 - (h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền; hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu;
 - (i) Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký hợp đồng với bên nhận ủy quyền đối với các hoạt động ủy quyền quy định tại Điều 28.3(b) nêu trên, Công ty thông báo cho UBCKNN về việc ủy quyền này và gửi kèm theo các tài liệu xác nhận bên nhận ủy quyền đáp ứng quy định tại Điều 28.2 nêu trên.
- 28.4. Các báo cáo về việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 28.3(c) và các tài liệu liên quan khác phải cung cấp cho Hội đồng Thành viên hoặc Chủ sở hữu của Công ty, ban đại diện quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát liên quan và UBCKNN trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày báo cáo được tổng hợp.

Điều 29. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác và thay thế công ty quản lý quỹ khác

- 29.1. Công ty chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác trong các trường hợp sau:
- (a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư;
 - (b) Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác quản lý danh mục;
 - (c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - (d) Tổ chức lại Công ty; hoặc
 - (e) Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, hết thời gian hoạt động, hợp đồng ủy thác đầu tư hết hiệu lực.
- 29.2. Công ty phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại Điều 29.1(a), 29.1(c) và 29.1(d) nêu trên.
- 29.3. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của Công ty chỉ chấm dứt từ thời điểm

hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.

- 29.4. Công ty phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, Công ty chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm, kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế.

Điều 30. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

- 30.1. Mọi tranh chấp giữa Công ty với nhà đầu tư ủy thác trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải.
- 30.2. Trường hợp các bên không tự thỏa thuận được với nhau, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam hoặc trọng tài để xét xử. Quyết định của Tòa án hoặc trọng tài là quyết định cuối cùng mà các bên tranh chấp phải tuân theo.

CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 31. Hệ thống kế toán

- 31.1. Công ty phải lập và lưu trữ sổ sách kế toán theo quy định Pháp luật về kế toán.
- 31.2. Công ty phải sử dụng một hệ thống kế toán nội bộ được thiết lập theo phương pháp Kế toán dồn tích, với phương thức kế toán ghi nợ/tín dụng phù hợp với thông lệ quốc tế; chuẩn bị sổ sách kế toán hợp lệ, chính xác và đầy đủ và ghi chép cho Hội đồng Thành viên và Chủ sở hữu theo quy định của Pháp luật Việt Nam cũng như đáp ứng yêu cầu của Chủ sở hữu về hệ thống tài chính kế toán.

Điều 32. Năm tài chính

- 32.1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 mỗi năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.
- 32.2. Năm tài chính cuối cùng của Công ty là năm khi Công ty chấm dứt hoạt động như nêu tại Điều lệ, và ngày cuối cùng tương ứng của năm tài chính cuối cùng được chấm dứt theo quy định của Pháp luật liên quan. Hội đồng Thành viên có thể thay đổi năm tài chính khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 33. Kế toán, kiểm toán, thuế

- 33.1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- 33.2. Hội đồng Thành viên chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập tại Việt Nam hoặc công ty kiểm toán được tin nhiệm được cho phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được UBCKNN chấp thuận, tổ chức đó có khả năng thực hiện hoạt động kế toán – kiểm toán đáp ứng cả tiêu chuẩn kế toán Việt Nam và quốc tế. Bản báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán nêu trên trước khi nộp cho Hội đồng Thành viên xem xét thông qua.
- 33.3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính năm có kiểm toán của Công ty phải được gửi đến UBCKNN và cơ quan thuế có thẩm quyền.

Điều 34. Phân phối lợi nhuận

- 34.1. Trước khi thực hiện phân chia lợi nhuận cho Chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính được dùng để trích lập quỹ dự phòng theo quy định Pháp luật, và trong trường hợp Pháp luật không quy định tỷ lệ trích lập thì tỷ lệ trích lập được quyết định bởi Hội đồng Thành viên hoặc Chủ sở hữu.
- 34.2. Hội đồng Thành viên có thể quyết định phân phối phần lợi nhuận thuần còn lại dựa trên các nguyên tắc sau:

- (a) Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
 - (b) Công ty phải có khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi phân phối lợi nhuận, tức là không có nợ quá hạn hoặc nghĩa vụ tài sản khác đã quá hạn mà chưa thanh toán được và không đảo nợ hoặc dùng vốn vay mới để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thanh toán;
 - (c) Công ty có đủ nguồn tài chính tại thời điểm phân chia để thực hiện phân chia lợi nhuận cho Chủ sở hữu, đảm bảo việc phân chia lợi nhuận không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 34.3. Khi kinh doanh thua lỗ, Công ty được chuyển lỗ sang năm tiếp theo để được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế, tuy nhiên thời gian chuyển lỗ không vượt quá thời gian tối đa cho phép được chuyển lỗ theo quy định của Pháp luật.

Điều 35. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

- 35.1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ báo cáo của UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm nhưng không hạn chế: (i) các báo cáo định kỳ về hoạt động của Công ty, (ii) báo cáo các sự kiện theo quy định của UBCKNN, và (iii) các báo cáo khác theo yêu cầu của UBCKNN và quy định của Pháp luật (nếu có).
- 35.2. Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, đại lý phân phối cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của Công ty để nhà đầu tư tham khảo:
- (a) Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
 - (b) Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán của tối thiểu năm (05) năm gần nhất; báo cáo tài chính sáu (06) tháng, các báo cáo tài chính quý tới quý gần nhất của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;
 - (c) Báo cáo hoạt động định kỳ của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán của tối thiểu năm (05) năm gần nhất;
 - (d) Báo cáo về giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;
 - (e) Đối với nhà đầu tư ủy thác: hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với các thông tin cần thiết phải có trong hợp đồng.
- 35.3. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi xảy ra về các sự kiện theo quy định của Pháp luật.
- 35.4. Thông tin quy định tại Điều 35.2 nêu trên được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TÁI CƠ CẤU CÔNG TY

Điều 36. Giải thể Công ty

- 36.1. Công ty bị giải thể bởi quyết định của HĐQT khi có một trong bất kỳ trường hợp nào sau đây:
- (a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ này mà không gia hạn hoạt động (nếu áp dụng);
 - (b) Chủ sở hữu quyết định giải thể Công ty; hoặc
 - (c) Bị thu hồi Giấy phép.
- 36.2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trường hợp hết khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính, việc giải thể thực hiện theo quy định Pháp luật về phá sản.
- 36.3. Nếu, dựa vào đề xuất giải thể của Công ty, Chủ sở hữu không muốn tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng Thành viên sẽ thông qua nghị quyết giải thể Công ty và xây dựng các thủ tục và nguyên tắc giải thể phù hợp với Pháp luật.
- 36.4. Sau khi Hội đồng Thành viên quyết định giải thể Công ty theo quy định của Điều lệ này, Công ty sẽ đề nghị UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt việc giải thể. Thủ tục giải thể sẽ thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 36.5. Kể từ khi được UBCKNN chấp thuận giải thể, Chủ sở hữu hoặc Hội đồng Thành viên không được thực hiện các hoạt động bị cấm theo quy định của Pháp luật về giải thể doanh nghiệp, đồng thời trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công ty, trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác.

Điều 37. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được tiến hành theo các quy định của Pháp luật về phá sản.

Điều 38. Tái cơ cấu Công ty

- 38.1. Việc hợp nhất, sáp nhập phải bảo đảm các nguyên tắc sau:
- (a) Phương án hợp nhất, sáp nhập, hợp đồng hợp nhất, sáp nhập phải được Chủ sở hữu và Hội đồng Thành viên thông qua theo quy định tại Điều lệ này;
 - (b) Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - (c) Không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và các chủ nợ, kể cả trái chủ;
 - (d) Thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập phải được cung cấp cho thành viên góp vốn của Công ty một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác;
 - (e) Cổ phiếu quỹ của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập phải được hủy bỏ; và

(f) Công ty quản lý quỹ được thành lập sau khi hợp nhất, sáp nhập phải đáp ứng điều kiện quy định của Pháp luật.

38.2. Trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, Công ty, Hội đồng Thành viên, Ban điều hành phải:

- (a) Bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, không được cất giấu, tẩu tán tài sản của Công ty dưới mọi hình thức và chịu trách nhiệm trước Pháp luật đối với các vấn đề ngoài sổ sách không được bàn giao;
- (b) Các công ty tham gia tổ chức lại có quyền, trách nhiệm đối với toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình cho đến khi Công Ty hoặc công ty hình thành sau tổ chức lại được cấp, điều chỉnh Giấy phép hoặc giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác phù hợp với quy định của Pháp luật;
- (c) Tuân thủ các quy định của Pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

38.3. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 39. Chuyển đổi loại hình Công ty

Công ty khi thực hiện việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp phải được UBCKNN chấp thuận. Trình tự, thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG VÀ BẢO HIỂM

Điều 40. Quản lý lao động

- 40.1. Công ty tuyển dụng nhân viên đáp ứng đủ trình độ chuyên môn để làm việc.
- 40.2. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tại bất kỳ thời điểm nào nếu Công ty dư thừa nhân viên và người lao động, hoặc nếu có nhân viên vẫn không thể đáp ứng yêu cầu của Công ty sau khi đào tạo và không thể sử dụng nhân viên trong công việc khác, hoặc nếu có nhân viên vi phạm kỷ luật lao động, hoặc các quy định của Công ty, theo đó Công ty có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động cá nhân và theo quy định Pháp luật về lao động và các quy định khác, nhưng sẽ bồi thường trong phạm vi theo quy định Pháp luật.
- 40.3. Nhân viên nước ngoài được chuyển thu nhập ra khỏi Việt Nam sau khi thực hiện nghĩa vụ nộp thuế thu nhập theo các quy định của Pháp luật về thuế và quản lý ngoại hối tại Việt Nam.
- 40.4. Công ty ký hợp đồng với mỗi nhân viên của Công ty có tính đến các quy định tại Điều lệ này và các quy định của Pháp luật về lao động.
- 40.5. Công ty có thể ký một thỏa ước lao động tập thể với đại diện của người lao động theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

Điều 41. Bảo hiểm

- 41.1. Tất cả các loại bảo hiểm cho Công ty được mua theo quy định của Pháp luật từ các công ty bảo hiểm của Việt Nam và/hoặc các công ty bảo hiểm quốc tế phù hợp, là những công ty có khả năng cung cấp bảo hiểm cho Công ty ở mức phù hợp. Các loại bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm và các vấn đề khác về bảo hiểm, ngoại trừ Điều 41.2 dưới đây, sẽ được Tổng Giám đốc quyết định.
- 41.2. Các vấn đề liên quan đến bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp được Hội đồng Thành viên thảo luận và quyết định dựa trên các đề xuất của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực của Điều lệ

- 42.1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Chủ sở hữu thông qua như được nêu tại trang đầu tiên của Điều lệ.
- 42.2. Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 08 năm 2016 bao gồm cả các bản điều chỉnh theo đó.

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 43.1. Các điều khoản này có thể được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Hội đồng Thành viên và Chủ sở hữu. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được thông báo đến UBCKNN.
- 43.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ này được kết luận bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là không hợp lệ, vô hiệu, bất hợp pháp, không thể thi hành bởi bất kỳ lý do nào, điều khoản đó sẽ được hủy bỏ hoặc một điều khoản tương tự sẽ được thay thế bởi quyết định của Chủ sở hữu và Hội đồng Thành viên. Các điều khoản còn lại vẫn có giá trị hiệu lực đầy đủ.
- 43.3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng quy định của Pháp luật đó.

Điều 44. Văn bản tiếng Việt và tiếng Anh

- 44.1. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản gốc, ba (03) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh. Chủ sở hữu giữ một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh; một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh được nộp cho UBCKNN; một (01) bản tiếng Việt và một (01) bản tiếng Anh do Công ty lưu trữ.
- 44.2. Các bản tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị và hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt, ý kiến nguyên gốc của Chủ sở hữu sẽ được diễn giải trong ngữ cảnh của Điều lệ như một tổng thể.

Điều 45. Ngôn ngữ làm việc

Tiếng Việt và tiếng Anh được xem là ngôn ngữ làm việc nội bộ của Công ty.

Điều 46. Điều khoản từ bỏ

Điều khoản từ bỏ trong Điều lệ này sẽ được thực hiện bởi Chủ sở hữu theo quy định Pháp luật hiện hành có liên quan và Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty.

Điều 47. Luật điều chỉnh

Điều lệ này được xây dựng và điều chỉnh bởi Pháp luật Việt Nam.

Điều 48. Đăng ký Điều lệ và chữ ký

Điều lệ này được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Chủ sở hữu và Tổng Giám đốc.



Ký bởi:

Đại diện Chủ sở hữu



Tên : **TRẦN ĐÌNH QUÂN**

Chức vụ : **Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam**



Đại diện Công ty



Tên : **TRẦN CHÂU DANH**

Chức vụ : **Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một Thành Viên Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

